

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kế toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TS. ĐẶNG ANH TUẤN

2. Ngày tháng năm sinh: 25/10/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 112/835C đường Nguyễn Kiệm Phường 3, quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: Căn hộ 0804 Chung cư Orchard Parkview, 130 Hồng Hà Phường 9 quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0983 588 517; E-mail: anhtuancpa@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 08/2001 đến 10/2009: Kế toán và phó Phòng kế toán Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long.

- Từ 11/2009 đến 03/2019: Kiểm toán viên, phó Trưởng phòng Kiểm toán nhà nước khu vực IV

- Từ 04/2019 đến tháng 01/2021: Kiểm toán viên chính, Trưởng phòng Kiểm toán nhà nước khu vực IV.

- Từ 02/2021 đến nay: Kiểm toán viên chính, Trưởng phòng Tổng hợp Kiểm toán nhà nước khu vực IV.

- Từ tháng 2/2012 đến tháng 3/2022, giảng viên thỉnh giảng trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trong giai đoạn này tôi cũng tham gia giảng dạy cao học tại một số trường Đại học: Đại học Thủ Dầu Một, Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ tháng 12/2021 đến nay là giảng viên thỉnh giảng tại trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường đại học như trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tổng hợp Kiểm toán nhà nước khu vực IV.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng.
- Cơ quan công tác hiện nay: Kiểm toán nhà nước khu vực IV
- Địa chỉ cơ quan: 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại cơ quan: (028) 39141 948
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:
 - + Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương;
 - + Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

8. Đã nghỉ hưu:

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 11 năm 1999; số văn bằng: B 116301; ngành: Kiểm toán; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 01 năm 2010; số văn bằng: A 000665; ngành: Kinh doanh và Quản lý; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 06 năm 2016; số văn bằng: 000020; ngành: Kinh doanh và Quản lý; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế (chuyên ngành: Kế toán).

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ứng viên theo đuổi hai hướng nghiên cứu chính liên quan đến (i) kiểm toán khu vực công và (ii) mối quan hệ giữa quản trị tổ chức và nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Mặc dù có sự phân chia các hướng nghiên cứu, tuy nhiên, chúng có liên quan mật thiết, hỗ trợ bổ sung cho nhau. Các hướng nghiên cứu chủ yếu của ứng viên được trình bày như sau:

13.1. Hướng nghiên cứu thứ nhất: Kiểm toán trong khu vực công

Kiểm toán góp phần gia tăng độ tin cậy của thông tin và đảm bảo lành mạnh hoá thị trường tài chính, thị trường vốn qua đó tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư, người sử dụng báo cáo kiểm toán. Trong khu vực công, kiểm toán đóng góp quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, qua đó giảm thiểu tham nhũng, lãng phí và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ nhưng trong những năm gần đây, nghề nghiệp kiểm toán đối mặt nhiều thách thức mới nổi ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán như khoảng trống pháp lý, số hóa, biến đổi khí hậu, đại dịch COVID-19, chiến tranh, khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế và thái độ hoài nghi về vai trò của kiểm toán trong xã hội do chưa đáp ứng được kỳ vọng hợp lý của công chúng. Xuất phát từ khoảng trống lý thuyết và thực tiễn hoạt động kiểm toán trong khu vực công, ứng viên lựa chọn hướng nghiên cứu thứ nhất liên quan đến kiểm toán, trong đó tập trung vào ba nội dung chính gồm:

Một là, nghiên cứu nhằm tìm hiểu bản chất kiểm toán và vai trò của các doanh nghiệp kiểm toán và các Cơ quan kiểm toán tối cao (SAI); việc ứng dụng các phương pháp tiếp cận kiểm toán mới chẳng hạn như tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro chiến lược; ứng dụng và thử nghiệm các loại hình kiểm toán trong khu vực công trong các lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn kiểm toán ngân sách địa phương, kiểm toán doanh nghiệp, kiểm toán dự án đầu tư, kiểm toán môi trường và kiểm toán chuyên đề;

Hai là, nghiên cứu đo lường và đánh giá tác động từ kết quả kiểm toán hoặc của từng loại hình kiểm toán nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm bổ sung vào lý thuyết kiểm toán;

Ba là, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các phương pháp, kỹ thuật kiểm toán như phương pháp đo lường và đánh giá chất lượng thông tin tài chính, sự hài lòng của người sử dụng thông tin kế toán và báo cáo kiểm toán, phát hiện gian lận, tham nhũng hoặc hành vi không tuân thủ pháp luật, nghiên cứu về trọng yếu trong kiểm toán, nghiên cứu chất lượng kiểm toán, phương pháp và tiêu chí đo lường, đánh giá chất lượng kiểm toán.

Kết quả nghiên cứu đã bổ sung thêm vào tài liệu nghiên cứu và giảng dạy về kiểm toán khu vực công liên quan đến (i) vai trò của từng loại hình kiểm toán đóng góp vào cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng cường trách nhiệm giải trình của tổ chức; (ii) xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán, sự hài lòng của người sử dụng thông tin kế toán và thông tin được kiểm toán, trách nhiệm giải trình, thành quả hoạt động, trong đó có vai trò của kiểm toán và phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro; (iii) luận giải và làm rõ cơ sở hợp pháp của một số loại hình kiểm toán mới như kiểm toán hoạt động, kiểm toán phòng chống tham nhũng và kiểm toán điều tra; (iv) đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ mới nổi trong hoạt động kiểm toán góp phần tăng cường chất lượng, hiệu quả kiểm toán nhất là kiểm toán phát hiện gian lận như gian lận thuế, gian lận báo cáo tài chính.

Kết quả nghiên cứu được công bố góp phần làm giàu thêm lý thuyết kiểm toán, là tài liệu hữu ích cung cấp cho việc đào tạo cũng như hành nghề của các kiểm toán viên trong thực tiễn hoạt động kiểm toán.

- *Đề tài NCKH các cấp:*

Số lượng: 04 đề tài cấp cơ sở, ứng viên là chủ nhiệm 03 đề tài và tham gia là thành viên 01 đề tài; số thứ tự trong Mục 6 gồm: [1] [3] [4] [5].

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

Số lượng: 40; Số thứ tự trong Mục 7.1a gồm: [1] [2] [3] [4] [5] [6] [7] [9] [10] [11] [12] [30] [31] [32] [33] [34] [35] [36] [37] [38] [39] [40] [41] [42] [43] [44] [45] [46] [47] [48] [49] [50] [51] [52] [53] [54] [55] [56] [57] [58]. Trong đó, có 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín là bài [9] [10] [11] [12] được công bố sau tiến sĩ.

Trong đó ứng viên là tác giả chính 03 bài [9] [10] [11].

- *Hướng dẫn Cao học:*

Số lượng 02, hướng dẫn chính, số thứ tự trong Mục 4: [1] [2]

- *Sách phục vụ đào tạo:* 01 sách giáo trình Kiểm toán nội bộ, ứng viên là thành viên Mục 5, số thứ tự [1]

13.2. Hướng nghiên cứu thứ hai: Mối quan hệ giữa quản trị tổ chức và nghề nghiệp kế toán và kiểm toán

Nghề nghiệp kế toán và kiểm toán có sứ mạng cuối cùng là cung cấp thông tin cậy, hữu ích đối với người sử dụng cho mục đích ra quyết định và trách nhiệm giải trình. Đồng thời, những thay đổi trong quản trị doanh nghiệp và quản trị công (quản trị tổ chức) cũng có ảnh hưởng đến sự thay đổi và phát triển của nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Nhiều nghiên cứu hàn lâm đã tìm hiểu, khám phá vai trò và tác động của thông tin kế toán, kết quả kiểm toán đến cải cách quản trị công, trách nhiệm giải trình và mức độ tin cậy của thông tin tài chính cung cấp cho các nhà đầu tư, thành quả hoạt động của doanh nghiệp, chất lượng thông tin kế toán, chất lượng lợi nhuận, quản trị lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng trong các bối cảnh khác nhau. Mặc dù vậy, các bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của quản trị doanh nghiệp và cải cách quản trị công theo mô hình quản trị công mới đến nghề nghiệp kế toán và kiểm toán còn thiếu nhất quán. Vì vậy, ứng viên lựa chọn chủ đề này để nghiên cứu nhằm giải thích và làm sáng tỏ vai trò của quản trị tổ chức đến nghề nghiệp kế toán và kiểm toán và ngược lại. Qua đó, bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm chứng tỏ kiểm toán có chức năng xã hội. Theo đó, hướng nghiên cứu thứ hai tập trung chủ yếu vào ba nội dung chủ yếu sau:

Một là, nghiên cứu thành quả tổ chức và các nhân tố ảnh hưởng đến thành quả của tổ chức chẳng hạn như thành công dự án đầu tư, ảnh hưởng của văn hoá đến thành quả của các doanh nghiệp vừa và nhỏ;

Hai là, nghiên cứu chất lượng thông tin kế toán và các nhân tố ảnh hưởng, ví dụ khoảng cách giữa nhu cầu và khả năng sử dụng thông tin kế toán, ảnh hưởng của ban giám đốc đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính; gian lận và quản trị lợi nhuận.

Ba là, nghiên cứu về trách nhiệm giải trình và ảnh hưởng trách nhiệm giải trình đến kế toán và kiểm toán.

Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm xác nhận các tiêu chí và nhân tố ảnh hưởng đến thành quả của tổ chức, quản trị lợi nhuận, gian lận tài chính, chất lượng thông tin kế toán và vai trò của kế toán và kiểm toán đến thành quả tổ chức. Ngoài ra, các nghiên cứu cũng xác định và đánh giá khả năng cũng như giải thích rõ hơn các vấn đề còn nhiều tranh luận như phát hiện gian lận, tham nhũng, lãng phí và các nhân tố ảnh hưởng đến việc quản trị thu nhập, hành vi không tuân thủ thuế và cung cấp các phương pháp và ứng dụng công nghệ mới nổi để phát hiện gian lận như khai phá dữ liệu lớn, sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc các mô hình thống kê.

- *Đề tài NCKH các cấp:*

Số lượng: 01 đề tài cấp bộ, ứng viên là đồng chủ nhiệm, số thứ tự [2], trong Mục 6.

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

Các công bố bao gồm các bài báo và các báo cáo khoa học: Có 30 bài báo khoa học, số thứ tự trong Mục 7.1a gồm: [8] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [59] [60] [61] [62] [63] [64] [65] [66] [67] [68] [69] [70]. Trong đó, có 16 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín là bài [13] [14] [15] [16] [17] [19] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29] được công bố sau tiến sĩ.

Trong số bài báo khoa học quốc tế có uy tín, ứng viên là tác giả chính 7 bài gồm [13] [14] [15] [16] [19] [20] [22] (*Mục 7.1.a, Mẫu số 1*)

- *Hướng dẫn Cao học:*

Số lượng: 3, ứng viên là hướng dẫn chính; số thứ tự trong Mục 4: [3] [4] [5]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **05 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành **05 đề tài NCKH** từ cấp cơ sở trở lên. Trong đó, có 03 đề tài cấp cơ sở ứng viên làm chủ nhiệm, 01 đề tài cấp Bộ (ứng viên là đồng chủ nhiệm).

- Đã công bố **70 bài báo khoa học**, trong đó:

+ Có 20 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục Scopus (các bài số [9] [10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [19] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29]). Trong số này, ứng viên là tác giả duy nhất của 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có uy tín (*01 bài thuộc Scopus Q1; 2 bài thuộc Scopus Q3*); tác giả chính với vai trò là tác giả đầu tiên với 06 bài báo thuộc Scopus Q3; ứng viên có vai trò là tác giả liên hệ duy nhất của 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (*Scopus Q1*). Ngoài ra, ứng viên tham gia 10 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (*Gồm 01 bài thuộc Scopus Q2, 07 bài thuộc Scopus Q3, 02 bài Scopus Q4*).

+ Có 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế;

+ Có 47 bài công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước tính điểm.

+ Có 02 bài công bố trên hội thảo khoa học cấp trường, thành phố, quốc gia và quốc tế.

- Đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không có

- Số lượng sách đã xuất bản: Tham gia tư cách là thành viên của **01 sách là giáo trình** Kiểm toán nội bộ, được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không có

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Danh hiệu thi đua

Năm/Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu; cơ quan ban hành quyết định
2011	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 12/QĐ-KV IV ngày 06/02/2012
2015	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 26/QĐ-KV IV ngày 10/03/2016

15.2. Hình thức khen thưởng

Năm/Năm học	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2020	Bằng khen của Tổng Kiểm toán nhà nước	Quyết định số 1257/QĐ-KTNN ngày 17/09/2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt gần 24 năm làm kế toán, kiểm toán (từ tháng 5 năm 2001 đến tháng 6 năm 2009 tại Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long và từ tháng 11/2009 đến nay tại Kiểm toán nhà nước khu vực IV) và tham gia giảng dạy (thỉnh giảng) và nghiên cứu từ năm 2012 tại một số trường đại học, ứng viên luôn không ngừng phấn đấu, nỗ lực học tập, rèn luyện, hỗ trợ đồng nghiệp và người học nhằm đáp ứng tốt tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể:

Về phẩm chất đạo đức của nhà giáo: Ứng viên không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng nghiên cứu khoa học, trau dồi ngoại ngữ, khả năng sử dụng công nghệ thông tin tiên tiến để nâng cao năng lực học tập và giảng dạy nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ và trách nhiệm của một giảng viên. Bên cạnh đó, ứng viên cũng luôn đối xử hòa nhã với mọi người, không ngại học hỏi từ đồng nghiệp cũng như sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và hợp tác với đồng nghiệp. Luôn kính trọng thế hệ đi trước và hỗ trợ cho sự phát triển của các thế hệ trẻ.

Về công tác đào tạo: Ứng viên luôn hoàn thành nhiệm vụ đào tạo được giao và tích cực tham gia vào công tác đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường. Đối với khoa, bộ môn, ứng viên luôn tham gia một cách chủ động vào công tác đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục của khoa và bộ môn. Ứng viên luôn tích cực tham gia vào các lớp bồi dưỡng kiến thức về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng, luôn ý thức việc hoàn thiện và cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, bám sát chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo và học phần. Với những nỗ lực trên, ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy của một giảng viên.

Về nghiên cứu khoa học: Ứng viên luôn ý thức rất rõ một trong những nhiệm vụ chính yếu của giảng viên là tham gia nghiên cứu khoa học. Các bài báo khoa học của ứng viên vừa được công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước lẫn quốc tế (50 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí, hội thảo có uy tín trong nước và 20 bài báo được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín). Bên cạnh đó, nghiên cứu khoa học cũng được ứng viên thực hiện đều đặn qua các năm (tính từ năm 2012 – thời điểm mà bài báo khoa học

đầu tiên của ứng viên được công bố trên Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán cho đến thời điểm kê khai hiện tại, đã có 70 bài báo khoa học được công bố trong suốt khoảng thời gian 12 năm). Bên cạnh đó, ứng viên cũng đã góp phần hình thành các nhóm nghiên cứu nhằm chia sẻ các tài liệu nghiên cứu, kinh nghiệm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nâng cao năng lực công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế.

Về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của học tập suốt đời, ứng viên luôn thường xuyên thực hiện và tham gia các hoạt động có liên quan đến bổ sung, cập nhật những kiến thức mới về chuyên môn theo chuyên ngành và trình độ đào tạo như các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về kiểm toán, kế toán và thuế; các lớp bổ sung kiến thức về phương pháp giảng dạy hiện đại; các lớp về nghiên cứu khoa học; tự học tập và rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ trong và ngoài ngành. Những hoạt động trên đã giúp ứng viên nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học; năng lực tổ chức, quản lý các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp.

Về hoạt động xã hội và đoàn thể: Bên cạnh công tác kiểm toán, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn ý thức tập luyện thể thao để duy trì sức khỏe, tham gia tích cực vào công tác xã hội, đoàn thể để thể hiện vai trò và chức trách của mình đối với các hoạt động xã hội, cộng đồng. Ứng viên đã cùng với tập thể Kiểm toán nhà nước khu vực IV đoạt các thành tích trong các phòng trào thi đua của toàn ngành như hội thao, các dịp kỷ niệm thành lập ngành.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012 – 2013						135	135/148,5/140
2	2019 – 2020			03 Ths			110	110/215,6/135
3	2020 – 2021						90 ^(a)	90/163,8/122
03 năm học cuối								
4	2021 – 2022			03 Ths			105 ^(b)	105/220,2/129
5	2022 – 2023			01 ThS			193,5 ^(c)	193,5/208,5/148
6	2023 – 2024						375	375/448,8/165

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Giờ chuẩn của giảng viên cơ hữu là 280 giờ. Giờ chuẩn của giảng viên thỉnh

giảng bằng 50% giờ chuẩn của giảng viên cơ hữu là 140 giờ/năm. Giờ giảng thực tế bằng 50% giờ chuẩn là 70 giờ/năm

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên cơ hữu là 270 giờ/năm. Giờ chuẩn của giảng viên thỉnh giảng bằng 50% giờ chuẩn của giảng viên cơ hữu là 140 giờ/năm. Giờ giảng thực tế bằng 50% giờ chuẩn là 67,5 giờ/năm

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

^(a) Năm 2020-2021, ứng viên kê khai giờ giảng tại Trường Đại học giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (giờ chuẩn giảng viên cơ hữu là 243 giờ, giờ chuẩn giảng viên thỉnh giảng 122 giờ) theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 5 Chương II Quyết định số 449/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/7/2017 về Ban hành quy định về Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

^(b) Năm 2021-2022, ứng viên kê khai giờ giảng tại Trường Đại học giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (giờ chuẩn giảng viên cơ hữu là 243 giờ, giờ chuẩn giảng viên thỉnh giảng 122 giờ quy định tại khoản 4 Điều 3 Chương II Quyết định số 581/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/7/2021 về Ban hành quy định về Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (giờ chuẩn giảng viên cơ hữu là 270 giờ, giờ chuẩn giảng viên thỉnh giảng là 135 giờ). Theo đó, giờ giảng chuẩn của giảng viên cơ hữu tính theo phương pháp bình quân gia quyền là 129 giờ/năm học

^(c) Năm 2022-2023, Học kỳ I, giờ chuẩn là $270/2=135$ giờ, Học kỳ II theo khoản 1 Điều 11 Quyết định số 2788/QĐ-ĐHCN ngày 14/12/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên thuộc trường Đại học Công nghiệp TP.HCM là $320/2=160$ giờ. Giờ chuẩn bình quân năm học là 148 giờ/năm học

^(d) Năm 2023-2024, ứng viên kê khai giờ giảng tại Trường Đại học giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (giờ chuẩn giảng viên cơ hữu là 340 giờ, giờ chuẩn giảng viên thỉnh giảng 170 giờ và trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (giờ chuẩn giảng viên cơ hữu là 320 giờ, giờ chuẩn giảng viên thỉnh giảng là 160 giờ khoản 1 Điều 11 Quyết định số 2788/QĐ-ĐHCN ngày 14/12/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên thuộc trường Đại học Công nghiệp TP.HCM). Theo đó, giờ giảng chuẩn của giảng viên cơ hữu tính theo phương pháp bình quân gia quyền là 165 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp Bằng cử nhân ngành ngôn ngữ Anh: Đại học Đà Nẵng; số bằng: **DND.6.0152102**; năm cấp: **2023**

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân ngành ngôn ngữ Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH và hướng nghiên cứu	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2019 đến 2023	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Ngọc Thọ		HVCH	Chính		2022-2023	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Số: 602539, ngày 10/07/2023
2	Võ Công Hậu		HVCH	Chính		2019-2020	Đại học Giao thông vận tải TP.HCM	Số: GTS-Ths 000798, ngày 01/3/2021
3	Nguyễn Thị Thanh Nhân		HVCH	Chính		2020-2022	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Số: M0000390, ngày 22/05/2023
4	Trần Nhã Uyên		HVCH	Chính		2020-2022	Trường Đại học Mở	Số: MBS7.000 0614, ngày cấp 28/12/2022
5	Lê Thị Hồng Ngọc		HVCH	Chính		2019-2021	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Số: M0000180, ngày 11/03/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

STT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên/Hướng nghiên cứu	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận TS							
Sau khi được công nhận TS							
1	Kiểm toán nội bộ (ISBN 978-604-920-238-4)	GT (159 trang)	Nhà xuất bản Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024	3	Thành viên/Hướng Nghiên cứu 2	Từ trang 91 đến trang 159	QĐ xuất bản số 2032 ngày 25/08/2023 Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách Số 03/GXN-ĐHCN ngày 15/05/2024

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/Hướng nghiên cứu	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Khoảng cách kỳ vọng kiểm toán trong nhận thức của các nhà đầu tư khi Việt Nam gia nhập TPP (ĐT cấp cơ sở)	Thành viên	– Mã số: 042014, Cấp cơ sở	Từ 04/9/2014 đến 17/07/2015	Biên bản nghiệm thu ngày 17/7/2015 Xếp loại: Khá;
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Giải pháp kiểm toán khối lượng, chất lượng công trình dựa trên mô hình thông tin (BIM) (ĐT cấp Bộ)	ĐCN/Số 2	CB05.2021	19/05/2021 đến 16/10/2022	Biên bản nghiệm thu ngày 26/10/2022 Xếp loại Khá
3	Mô hình kiểm toán hoạt động: Phương pháp luận thiết kế chương trình kiểm toán hoạt động (ĐT cấp cơ sở)	CN/Số 1	T2017.4.216.1 Cấp cơ sở	6/2017 đến 3/2020)	Biên bản nghiệm thu ngày 30/6/2020 Xếp loại: Đạt
4	Xây dựng hướng dẫn kiểm toán chi đầu tư phát triển trong các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương (ĐT cấp cơ sở)	CN/Số 1	CS04.2018 Cấp cơ sở	01/01/2018 đến 31/03/2019	Biên bản nghiệm thu ngày 12/04/2019 Xếp loại: Xuất sắc
5	Xây dựng đề cương kiểm toán hoạt động đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP (ĐT cấp cơ sở)	CN/Số 1	CS.23.2017 Cấp cơ sở	01/01/2017- 21/12/2017	Biên bản nghiệm thu ngày 13/12/2017 Xếp loại khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; ĐCN: Đồng chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ							
1.2	Các bài báo trong nước							
	Hướng nghiên cứu 1-Kiểm toán khu vực công							
1	Trình độ và thực trạng phát triển kiểm toán hoạt động của KTNN Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 101-3/2016, 23-28	2016
2	Kiểm toán hoạt động trong lĩnh vực công ở Việt Nam: Yếu tố cần thiết cho việc phát triển	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 99+100-1+2/2016, 41-44	2016
3	Xu hướng phát triển kiểm toán hoạt động trong lĩnh vực công của Kiểm toán Nhà nước tại một số quốc gia trên thế giới – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	1	X	Kỷ yếu hội thảo: Nghề nghiệp kiểm toán Việt Nam hội nhập với thông lệ Quốc tế, Nhà xuất bản kinh tế TP. Hồ Chí Minh			Kỷ yếu hội thảo, 101-108	2014
4	Các nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển kiểm toán hoạt động trong lĩnh vực công ở Việt Nam	2		Tạp chí phát triển kinh tế ISSN: 1859-1124			Số 289/Tháng 11/2014, 92-107	2014
5	Vận dụng phương pháp Bao dữ liệu (DEA) trong kiểm toán hoạt động	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 83+84/tháng 9 và 10/2014, 26-30	2014
6	Chuyển đổi mô hình hoạt động của Kiểm toán Nhà nước	1	X	Nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 71 tháng 9/2013, 22-25	2013
7	Vận dụng mô hình đánh giá rủi ro để lựa chọn đối tượng kiểm toán hoạt động	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 61 tháng 11/2012, 40-44	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
8	Vận dụng thước đo EVA trong việc đánh giá thành quả hoạt động	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 29/Tháng 3, 40-47	2010
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ							
I.1	Các bài báo quốc tế							
	Hướng nghiên cứu 1-Kiểm toán khu vực công							
9	The Influence of Factors on the Demand for Performance Auditing in the Public Sector	2	X	Emerging Science Journal, ISSN: 2610-9182	Q1 (H28)		Vol. 8, No. 1, 95-109	2024
	Link bài báo: https://www.ijournalse.org/index.php/ESJ/article/view/2083/pdf DOI: https://doi.org/10.28991/ESJ-2024-08-01-07							
10	Development of Audit Risk Model Applied in Public Investment Project Audit: The State Audit in Vietnam	2	X	Przestrzeń Społeczna (Social Space), ISSN: 2084-1558	Q4 (H6)		Vol 23, No.1, 193-221	2023
	Link bài báo: https://socialspacejournal.eu/article-page/?id=169							
11	Components Constituting the Audit Expectation Gap: The Vietnamese Case	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN: 2288-4637	Q2 (H35)	10	Vol. 8. No. 1, 363-373	2021
	Link bài báo: https://koreascience.kr/article/JAKO202100569410306.page DOI: https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no1.363							
12	The study of audit expectation gap: the auditor's responsibilities in a financial statement audit in Vietnam	2		Asian Economic and Financial Review, ISSN(e): 2222-6737/ISSN(p): 2305-2147	Q3 (H18)	24	Vol. 9, No. 11, 1227-1254	2019
	Link bài báo: https://archive.aessweb.com/index.php/5002/article/view/1877 DOI: https://doi.org/10.18488/journal.aefr.2019.911.1227.1254							
	Hướng nghiên cứu 2-Quản trị tổ chức và nghề nghiệp kiểm toán							
13	The role of organizational culture in the performance of SMEs in	2	X	International Journal of Management and Sustainability,	Q3 (H8)		Vol. 13, No. 2, 374-387	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Vietnam during the economic crisis			ISSN(e): 2306-0662				
<p>Link bài báo: https://archive.conscientiabeam.com/index.php/11/article/view/3737 DOI: https://doi.org/10.18488/11.v13i2.3737</p>								
14	The gap between need and ability to use accounting information in public sector financial reports	1	X	International Journal of Innovative Research and Scientific Studies, ISSN: 2617-6548	Q3 (H10)		Vol.7, No. 3 2024, 965-977	2024
<p>Link bài báo: https://ijriss.com/index.php/ijriss/article/view/2985 DOI: https://doi.org/10.53894/ijriss.v7i3.2985</p>								
15	The Effect of Felt Accountability on User Satisfaction with Accounting Information	1	X	Emerging Science Journal, ISSN: 2610-9182	Q1 (H28)		Vol. 8, No. 2, 732-743	2024
<p>Link bài báo: https://www.ijournalse.org/index.php/ESJ/article/view/2262 DOI: https://doi.org/10.28991/ESJ-2024-08-02-023</p>								
16	The Organizational Culture Strategy SMEs During Economic Crises	2	X	Emerging Science Journal, ISSN: 2610-9182	Q1		Vol. 7, No. 6, 2120-2132	2023
<p>Link bài báo: https://www.ijournalse.org/index.php/ESJ/article/view/2015 DOI: https://doi.org/10.28991/ESJ-2023-07-06-015</p>								
17	Model for forecasting tax compliance behaviors for small and medium enterprises owners based on owning tax knowledge	3	X	Journal of Law and Sustainable Development, ISSN: 2764-4170	Q4 (H9)	1	Vol.11, No.4, 01-23	2023
<p>Link bài báo: https://ojs.journalsdg.org/jlss/article/view/648/401 DOI: https://doi.org/10.55908/sdgs.v11i4.648</p>								
18	Impact on felt accountability on use of accounting information for accountability purposes in public entities	2	X	Journal of Namibian Studies, ISSN: 2197-5523	H4		Vol. 34, 6773-6793	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Link bài báo: https://namibian-studies.com/index.php/JNS/article/view/2755/1910							
19	Real earnings management trends in the context of the COVID-19 pandemic: The case of non-financial listed companies in Vietnam	3	X	Investment Management and Financial Innovations, ISSN: 1812-9358	Q3 (H25)	1	Vol. 20, No.2, 295-306	2023
	Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/investment-management-and-financial-innovations/issue-430/real-earnings-management-trends-in-the-context-of-the-covid-19-pandemic-the-case-of-non-financial-listed-companies-in-vietnam DOI: http://dx.doi.org/10.21511/imfi.20(2).2023.25							
20	The board of director influence on the information quality of financial reporting through accounting conservatism – Empirical evidence on Vietnamese listed enterprises	3	X	Investment Management and Financial Innovations, ISSN: 1812-9358	Q3 (H25)		Vol.20, No.1, 2023, 265-276	2023
	Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/investment-management-and-financial-innovations/issue-421/the-board-of-directors-influence-on-the-information-quality-of-financial-reporting-through-accounting-conservatism-empirical-evidence-on-vietnamese-listed-enterprises DOI: http://dx.doi.org/10.21511/imfi.20(1).2023.23							
21	Impact of personnel policy on human resources management: Empirical evidence from Vietnamese enterprises	4		Problems and Perspectives in Management, ISSN: 1810-5467	Q3 (H30)		Vol. 21, No.1, 183-192	2023
	Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/problems-and-perspectives-in-management/issue-420/impact-of-personnel-policy-on-human-resources-management-empirical-evidence-from-vietnamese-enterprises DOI: http://dx.doi.org/10.21511/ppm.21(1).2023.16							
22	Impact of corporate governance on earnings management –	1	X	Banks and Bank Systems, ISSN: 1991-7074	Q3 (H25)		Vol.17, No. 4, 189-197	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Experimental evidence on listed commercial banks in Vietnam							
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/banks-and-bank-systems/issue-418/impact-of-corporate-governance-on-earnings-management-experimental-evidence-on-listed-commercial-banks-in-vietnam DOI: http://dx.doi.org/10.21511/bbs.17(4).2022.16</p>							
23	Testing the influence of factors on the timeliness of financial reporting – Empirical evidence of Vietnamese listed enterprises	3		Investment Management and Financial Innovations, ISSN: 1812-9358	Q3 (H25)		Vol.19, No.4, 285-293	2022
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/investment-management-and-financial-innovations/issue-416/testing-the-influence-of-factors-on-the-timeliness-of-financial-reporting-empirical-evidence-of-vietnamese-listed-enterprises DOI: http://dx.doi.org/10.21511/imfi.19(4).2022.23</p>							
24	Influence of the board of directors on discretionary accruals: Evidence from Vietnamese listed companies	4		Problems and Perspectives in Management, ISSN: 1810-5467	Q3 (H30)		Vol 20, No.2, 361-371	2022
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/problems-and-perspectives-in-management/issue-404/influence-of-the-board-of-directors-on-discretionary-accruals-evidence-from-vietnamese-listed-companies DOI: http://dx.doi.org/10.21511/ppm.20(2).2022.30</p>							
25	The impact of control activities on the information efficiency of financial reports: Evidence on Forbes enterprises in Vietnam	3		Investment Management and Financial Innovations ISSN: 1812-9358,	Q4 (H25)		Vol 19, Issue 1, 313-321	2022
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/investment-management-and-financial-innovations/issue-398/the-impact-of-control-activities-on-the-information-efficiency-of-financial-reports-evidence-on-forbes-enterprises-in-vietnam DOI: http://dx.doi.org/10.21511/imfi.19(1).2022.24</p>							
26	The impact of liquidity on profitability –	3		Banks and Bank Systems, ISSN: 1991-7074,	Q3 (H22)		Vol 17, No.1, 94-103	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	evidence of Vietnamese listed commercial banks							
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/banks-and-bank-systems/issue-400/the-impact-of-liquidity-on-profitability-evidence-of-vietnamese-listed-commercial-banks</p> <p>DOI: http://dx.doi.org/10.21511/bbs.17(1).2022.08</p>							
27	The impact of corporate governance on the disclosure level in the interim financial reporting: An empirical study of Vietnamese commercial banks	3		Banks and Bank Systems, ISSN: 1991-7074,	Q3 (H22)		Vol.16, No. 1, 27-35	2021
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/banks-and-bank-systems/issue-375/the-impact-of-corporate-governance-on-the-disclosure-level-in-the-interim-financial-reporting-an-empirical-study-of-vietnamese-commercial-banks</p> <p>DOI: http://dx.doi.org/10.21511/bbs.16(1).2021.03</p>							
28	Factors Affecting Foreign Direct Investment: Evidence on Tay Ninh Province	3		Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN: 2288-4637	Q2 (H35)	10	Vol. 7, No. 9, 263–269	2020
	DOI: 10.13106/jafeb.2020.vol7.no9.263							
29	Financial distress prediction of listed companies – empirical evidence on the Vietnamese stock market	4		Investment Management and Financial Innovations, ISSN: 1812-9358	Q3 (H25)	7	Vol. 2, No. 17	2020
	<p>Link bài báo: https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/investment-management-and-financial-innovations/issue-351/financial-distress-prediction-of-listed-companies-empirical-evidence-on-the-vietnamese-stock-market</p> <p>DOI: http://dx.doi.org/10.21511/imfi.17(2).2020.29</p>							
I.2	Các bài báo trong nước							
	Hướng nghiên cứu 1-Kiểm toán khu vực công							
30	Luật Benford và kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số 248 tháng 05/2024 92-96	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
31	Ứng dụng khai phá dữ liệu để lựa chọn đối tượng kiểm toán thuế	2	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 198- tháng 4/2024, 41-50	2024
32	Nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro	1	X	Tạp chí khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, ISSN: 2734-9578			Số 19(3), 28-37	2024
33	Trao đổi về chỉ số đo lường chất lượng kiểm toán khu vực tư	1	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973			Kỳ 1- Tháng 3/2024 (820), 155-158	2024
34	Những thách thức đối với kiểm toán viên trong việc phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động kiểm toán	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán ISSN 1859-1671			Số 195 - 1/2024, 17-22	2024
35	Vai trò tiềm năng của kiểm toán trong phát hiện tham nhũng	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số tháng 11/2023 (242), 19-26	2023
36	Kinh nghiệm chống tham nhũng của một số cơ quan kiểm toán tối cao trên thế giới	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 193 - 11/2023, 62-71	2023
37	Điều kiện đảm bảo vai trò phòng, chống tham nhũng của các cơ quan kiểm toán tối cao	1	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973			Kỳ 1 - Tháng 11/2023(812), 110-113	2023
38	Ảnh hưởng của công nghệ cao đến quy trình kiểm toán	1	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973			Kỳ 1 - Tháng 8/2023(806), 95-98	2023
39	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán ISSN: 1859-1671			Số 189 - 07/2023, 47-53	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
40	Kiểm toán dự án đầu tư công: Nghiên cứu trường hợp Kiểm toán nhà nước Việt Nam	1	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kinh tế-Luật và Quản lý, ISSN: 2588-1051			Vol.7, No.2, 4481-4489	2023
41	Quy trình tìm hiểu và đánh giá rủi ro kiểm soát trong kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 187 - 5/2023, 38-44	2023
42	Mô hình đánh giá rủi ro kiểm toán dự án đầu tư	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số tháng 05/2023(236), 32-37	2023
43	Phát triển cơ sở dữ liệu kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số tháng 4/2023, 22-27	2023
44	Mô hình rủi ro kiểm toán và mức độ đảm bảo trong kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán ISSN: 1859-1671			Số 185 - 3/2023, 6-11	2023
45	Vận dụng mô hình thông tin công trình trong kiểm toán quản lý chất lượng và khối lượng công trình xây dựng	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán ISSN: 1859-1671			Số 184 - 2/2023, 33-38	2023
46	Kiểm toán hoạt động dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học nghiên cứu - đào tạo lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong xu thế quốc tế hóa, ISBN: 978-604-73-9398-5			Hội thảo khoa học, 332-346	2022
47	Phương pháp thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án đầu tư	1	X	Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756			Số 8 tháng 4/2022, 360-365	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
48	Phương pháp tiếp cận kiểm toán dự án đầu tư công	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 1859-1914			Số 224 tháng 5/2022, 43-47	2022
49	Phương pháp chọn mẫu kiểm toán chi tiết các dự án đầu tư trong kiểm toán ngân sách địa phương	2	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 1859-1914			Số 225 tháng 6/2022, 26-33	2022
50	Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước Việt Nam	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 179 tháng 9/2022, 13-21	2022
51	Vận dụng trọng yếu trong kiểm toán tuân thủ của kiểm toán Nhà nước	2	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 139 - 5/2019, 30-37	2019
52	Vận dụng trọng yếu kiểm toán chi đầu tư phát triển trong các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 138 – 4/2019, 43-50	2019
53	Kinh nghiệm và một số kết quả kiểm toán hoạt động dự án PPP tại một số quốc gia trên thế giới	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 121 - tháng 11/2017, 66-74	2017
54	Nguyên tắc xác định và vận dụng trọng yếu trong hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 114 - tháng 4/2017, 26-33	2017
55	Khoảng trống và mâu thuẫn trong cơ chế tài chính đối với các ban quản lý xây dựng	1	X	Tạp chí Kiểm toán: Kiểm toán Nhà nước			Số 61 Tháng 7, 29-31	2017
56	Đánh giá rủi ro và vận dụng trọng yếu trong kiểm toán hoạt động dự án đầu tư	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 115 - 05/2017,25-33	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	theo hình thức đối tác công - tư (ppp)							
57	Quy trình phát triển mục tiêu kiểm toán hoạt động	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 111 – 01/2017, 41-49	2017
58	Các nguyên tắc phát triển mục tiêu kiểm toán hoạt động	1	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 110 - 12/2016, 7-15	2016
Hướng nghiên cứu 2-Quản trị tổ chức và nghề nghiệp kiểm toán								
59	Gian lận thuế tại các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ: Ứng dụng Luật Benford	1	X	Tạp chí Quản lý Nhà nước, ISSN: 2815-5831			Tháng 5/2024, 1-6	2024
Link bài báo: https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/05/14/gian-lan-thue-tai-cac-doanh-nghiep-nho-va-sieu-nho-ung-dung-luat-benford/								
60	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát hiện gian lận tài chính	1	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973			Kỳ 2 - Tháng 4/2024(823), 59-62	2024
61	Vai trò và thách thức của Luật Benford trong phân tích dữ liệu	1	X	Tạp chí Quản lý Nhà nước, ISSN: 2815-5831			Tháng 4/2024, 1-6	2024
Link bài báo: https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/04/16/vai-tro-va-thach-thuc-cua-luat-benford-trong-phan-tich-du-lieu/								
62	Các nhân tố thành công quan trọng của dự án xây dựng	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số tháng 03/2024 (246), 46-52	2024
63	Khung khái niệm đo lường thành công của dự án xây dựng	2	X	Tạp chí nghiên cứu khoa học kiểm toán, ISSN: 1859-1671			Số 197 - tháng 3/2024, 28-36	2024
64	Vai trò và trách nhiệm giải trình đối với quản trị công	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, ISSN: 0868-3808			Số cuối tháng – Tháng 12, 83-85	2023
65	Vai trò kế toán và trách nhiệm giải trình trong khu vực công	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số tháng 12/2023 (243), 76-80	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
66	Ảnh hưởng của khung quyết định tuân thủ thuế đến chất lượng báo cáo quyết toán thuế: trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp TPHCM, ISSN: 2525-2267			Số 66, 2023, 73-84	2023
67	Các tiêu chí đo lường thành công của dự án đầu tư	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129			Số tháng 8/2023(239), 22-25	2023
68	Các yếu tố tác động đến thành công của dự án đầu tư	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 2815-6129,			Tháng 7/2023(238), 51-54	2023
69	Ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đến quản trị lợi nhuận: trường hợp các công ty niêm yết ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 311(2) tháng 5/2023, 23-32	2023
70	Thành công dự án đầu tư: Đo lường tính hiệu lực và hiệu quả	1	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973			Kỳ 2 - Tháng 5/2023(801), 81-84	2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS gồm **20 bài**, có số thứ tự là [9] [10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [19] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29].

Trong đó, ứng viên là tác giả chính **10 bài** gồm [9] [10] [11] [13] [14] [15] [16] [19] [20] [22]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Tên chương trình đào tạo, nghiên cứu	Đối tượng	Tham gia	Xác nhận của cơ sở GDĐH

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ứng viên cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đặng Anh Tuấn